

Số: /TTr-UBND

Kon Tum, ngày tháng năm 2023

TỜ TRÌNH

Đề nghị xây dựng Nghị quyết “Quy định một số nội dung, mức hỗ trợ đối với người cai nghiện ma túy và người làm công tác cai nghiện ma túy trên địa bàn tỉnh Kon Tum”

Kính gửi: Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2020;

Căn cứ Nghị định 116/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật phòng, chống ma túy, Luật xử lý vi phạm hành chính về cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện ma túy; Thông tư số 62/2022/TT-BTC ngày 05 tháng 10 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định việc quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp từ ngân sách nhà nước thực hiện chế độ áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện ma túy bắt buộc; công tác cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng, cơ sở cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện ma túy;

Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh về đề nghị xây dựng Nghị quyết “*Quy định một số nội dung, mức hỗ trợ đối với người cai nghiện ma túy và người làm công tác cai nghiện ma túy trên địa bàn tỉnh Kon Tum*”, cụ thể như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT

1. Theo Nghị định 116/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật phòng, chống ma túy, Luật xử lý vi phạm hành chính về cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện ma túy (*Nghị định 116/2021/NĐ-CP*), cụ thể:

a) Điều 39 quy định về chế độ, chính sách đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện tại cơ sở cai nghiện ma túy như sau:

“1. *Ngân sách nhà nước bảo đảm tiền thuốc cắt cơn, giải độc, điều trị rối loạn tâm thần cho người cai nghiện ma túy tự nguyện tại các cơ sở cai nghiện ma túy công lập.*

2. *Ngân sách nhà nước hỗ trợ 95% chi phí cai nghiện ma túy và thuốc chữa bệnh thông thường đối với các đối tượng sau: a) Thương binh; b) Người bị nhiễm chất độc hóa học và suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên; c) Người thuộc hộ nghèo; d) Người cao tuổi cô đơn không nơi nương tựa; đ) Trẻ em mồ côi; e) Người khuyết tật nặng và đặc biệt nặng.*

3. Hội đồng nhân dân cấp tỉnh căn cứ khả năng cân đối ngân sách và dự kiến số lượng người tham gia cai nghiện ma túy tự nguyện tại các cơ sở công lập thuộc phạm vi quản lý quyết định:

a) Mức hỗ trợ cao hơn, đối tượng mở rộng hơn ngoài chế độ quy định tại Khoản 1 và 2 Điều này.

b) Mức hỗ trợ tiền ăn hàng tháng, tiền mặc, đồ dùng sinh hoạt cá nhân ít nhất bằng 70% định mức đối với người nghiện ma túy bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc;

c) Mức hỗ trợ chỗ ở cho người nghiện ma túy tham gia cai nghiện ma túy tự nguyện tại cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện.

4. Nguồn kinh phí thực hiện chế độ, chính sách đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện tại cơ sở cai nghiện ma túy do ngân sách địa phương bảo đảm theo phân cấp của Luật ngân sách nhà nước”.

b) Điều 65 quy định về chế độ ăn, mặc và đồ dùng sinh hoạt cá nhân như sau:

“1. Định mức tiền ăn hàng tháng của người cai nghiện bằng 0,8 mức lương cơ sở hiện hành. Ngày lễ, Tết dương lịch người cai nghiện được ăn thêm không quá 03 lần tiêu chuẩn ngày thường; các ngày Tết nguyên đán người cai nghiện được ăn thêm không quá 05 lần tiêu chuẩn ngày thường; chế độ ăn đối với người cai nghiện bị ốm do Giám đốc cơ sở cai nghiện bắt buộc quyết định theo chỉ định của nhân viên y tế điều trị, nhưng không thấp hơn 03 lần tiêu chuẩn ngày thường.

2. Định mức tiền chăn, màn, chiếu, gối, quần áo, đồ dùng sinh hoạt cá nhân và băng vệ sinh đối với người cai nghiện nữ hàng năm của người cai nghiện bằng 0,9 mức lương cơ sở hiện hành.

3. Các định mức quy định tại Khoản 1 Khoản 2 Điều này là mức tối thiểu, căn cứ điều kiện cụ thể của từng địa phương, Ủy ban nhân dân trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh điều chỉnh định mức cho phù hợp”.

2. Theo Thông tư số 62/2022/TT-BTC ngày 05 tháng 10 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định việc quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp từ ngân sách nhà nước thực hiện chế độ áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện ma túy bắt buộc; công tác cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng, cơ sở cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện ma túy (Thông tư số 62/2022/TT-BTC), cụ thể

a) Khoản 1 Điều 5 quy định: Chi tiền ăn, tiền chăn, màn, chiếu, gối, quần áo, đồ dùng sinh hoạt cá nhân của người cai nghiện bắt buộc và băng vệ sinh (đối với người cai nghiện bắt buộc là nữ): Nội dung và mức chi thực hiện theo quy định tại Điều 65 Nghị định số 116/2021/NĐ-CP.

b) Khoản 8, Điều 5 quy định: “Chi tổ chức hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao, đọc sách, báo, xem truyền hình và các hoạt động vui chơi giải trí khác ngoài thời gian học tập và lao động tối thiểu: Mức chi 100.000 đồng/người cai nghiện bắt buộc/năm. Trường hợp hỗ trợ mức cao hơn mức quy định tại khoản này, căn cứ khả năng cân đối của ngân sách địa phương, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định mức hỗ trợ cụ thể”.

c) Điểm a Khoản 11 Điều 5 quy định: “Người cai nghiện bắt buộc chấp hành xong quyết định trở về địa phương nơi cư trú được cấp tiền ăn khi đi đường, tiền tàu xe và 01 (một) bộ quần áo thường (nếu họ không có) theo quy định tại khoản 4 Điều 62 Nghị định 116/2021/NĐ-CP; cụ thể:

- Tiền ăn: Mức hỗ trợ 70.000đồng/người/ngày trong những ngày đi đường, tối đa không quá 03 ngày;

- Tiền tàu xe: Mức hỗ trợ theo giá phương tiện công cộng phổ thông;

- Cấp 01 (một) bộ quần áo mùa hè hoặc 01 (một) bộ quần áo mùa đông.

Căn cứ khả năng cân đối của ngân sách địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp xem xét, quyết định mức hỗ trợ tối đa để Cơ sở cai nghiện bắt buộc thực hiện mua sắm và cấp quần, áo cho đối tượng; hỗ trợ mức cao hơn tiền ăn và tiền tàu xe quy định tại điểm này”.

d) Khoản 2 Điều 6 quy định: “Chi thù lao hàng tháng đối với người được giao nhiệm vụ tư vấn tâm lý, xã hội, quản lý, hỗ trợ các đối tượng cai nghiện tự nguyện tại gia đình, cộng đồng theo phân công của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã: Căn cứ khả năng cân đối của ngân sách địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp xem xét quyết định mức thù lao hàng tháng đối với người được giao nhiệm vụ tư vấn tâm lý, xã hội, quản lý, hỗ trợ các đối tượng cai nghiện tự nguyện tại gia đình, cộng đồng, tối đa không quá 0,6 (không phải sáu) lần mức lương cơ sở hiện hành theo quy định tại điểm a Khoản 4 Điều 34 Nghị định số 116/2021/NĐ-CP”.

e) Khoản 3 Điều 6 quy định: “Chi hỗ trợ 01 (một) lần kinh phí cai nghiện đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng khi hoàn thành ít nhất 03 (ba) giai đoạn theo quy định tại Điều 22, Điều 23 và Điều 24 của Nghị định số 116/2021/NĐ-CP: Mức hỗ trợ tối thiểu bằng mức lương cơ sở hiện hành. Căn cứ khả năng cân đối của ngân sách địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp xem xét quyết định mức hỗ trợ cao hơn mức lương cơ sở hiện hành”.

f) Khoản 1 Điều 7 quy định: “Chi tiền thuốc cắt cơn, giải độc, điều trị rối loạn tâm thần cho người cai nghiện ma túy tự nguyện tại các cơ sở cai nghiện công lập theo quy định tại khoản 1 Điều 39 Nghị định số 116/2021/NĐ-CP và theo hướng dẫn chuyên môn của Bộ Y tế. Mức chi theo giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh hiện hành do cơ quan có thẩm quyền quyết định đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh công lập”.

g) Khoản 3 Điều 7 quy định: “Chi hỗ trợ tiền ăn, quần áo, chăn, màn, chiếu, gối, đồ dùng sinh hoạt cá nhân và băng vệ sinh (đối với người nghiện ma túy là nữ) đối với người cai nghiện tự nguyện tại cơ sở cai nghiện công lập: Căn cứ khả năng cân đối ngân sách địa phương và dự kiến số lượng đối tượng tham gia cai nghiện ma túy tự nguyện tại các cơ sở cai nghiện ma túy công lập thuộc phạm vi quản lý, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định mức hỗ trợ cụ thể, ít nhất bằng 70% mức hỗ trợ đối với người nghiện ma túy bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc tại địa phương”.

h) Khoản 4 Điều 7 quy định: “*Căn cứ khả năng cân đối ngân sách địa phương và dự kiến số lượng đối tượng tham gia cai nghiện ma túy tự nguyện tại các cơ sở cai nghiện ma túy công lập thuộc phạm vi quản lý, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định:*

a) Mức hỗ trợ cao hơn, đối tượng mở rộng hơn ngoài chế độ quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 7 Thông tư 62/2022/TT-BTC

b) Mức hỗ trợ chổ ở cho người nghiện ma túy tham gia cai nghiện ma túy tự nguyện tại cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện”.

3. Căn cứ Thông tư số 117/2017/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính⁽¹⁾ (Thông tư số 117/2017/TT-BTC), Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết số 18/2018/NQ-HĐND ngày 19 tháng 7 năm 2018² (Nghị quyết số 18/2018/NQ-HĐND). Tuy nhiên, theo Điều 12 Thông tư số 62/2022/TT-BTC: Thông tư số 117/2017/TT-BTC **hết hiệu lực toàn bộ kể từ ngày Thông tư số 62/2022/TT-BTC có hiệu lực thi hành (kể từ ngày 19 tháng 11 năm 2022).**

Từ các cơ sở nêu trên; để đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật, Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét về đề nghị xây dựng Nghị quyết “*Quy định một số nội dung, mức hỗ trợ đối với người cai nghiện ma túy và người làm công tác cai nghiện ma túy trên địa bàn tỉnh Kon Tum*” là cần thiết, phù hợp.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT

1. Mục đích

Nhằm ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định một số nội dung, mức hỗ trợ đối với người cai nghiện ma túy và người làm công tác cai nghiện ma túy trên địa bàn tỉnh Kon Tum đảm bảo theo quy định tại Thông tư số 62/2022/TT-BTC và phù hợp với tình hình thực tế của tỉnh.

2. Quan điểm

- Đảm bảo tính chặt chẽ và thống nhất, đúng quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2020; Luật ngân sách nhà nước và các quy định, hướng dẫn khác có liên quan.

- Đảm bảo điều kiện ngân sách, năng lực tổ chức thực hiện; tính hiệu quả, thực thi của chính sách sau khi ban hành. Nội dung chỉ đảm bảo đúng quy định tại Nghị định 116/2021/NĐ-CP của Chính phủ, Thông tư số 62/2022/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính và đảm bảo phù hợp với tình hình thực tế của tỉnh Kon Tum.

III. PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH, ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định một số nội dung, mức hỗ trợ đối với người cai nghiện ma túy và người làm công tác cai nghiện ma túy trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

⁽¹⁾ Quy định quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện chế độ áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc và tổ chức cai nghiện ma túy bắt buộc tại cộng đồng

⁽²⁾ Quy định mức hỗ trợ một số chi phí cho học viên trong thời gian chấp hành quyết định xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc; mức đóng góp, mức hỗ trợ và chế độ miễn, giảm một số chi phí đối với người nghiện ma túy trong thời gian cai nghiện bắt buộc tại cộng đồng.

2. Đối tượng áp dụng

a) Người nghiện ma túy bị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, người nghiện ma túy trong thời gian chờ lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc theo Luật Xử lý vi phạm hành chính.

b) Người cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng và các cơ sở cai nghiện ma túy.

c) Người bị quản lý sau cai nghiện ma túy.

d) Cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan đến việc quản lý, sử dụng kinh phí sự nghiệp từ ngân sách nhà nước thực hiện chế độ áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện ma túy bắt buộc, công tác cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng, cơ sở cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện ma túy.

IV. BỐ CỤC, NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA NGHỊ QUYẾT

Dự thảo Nghị quyết gồm có **04 Điều**, cụ thể:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng.

Điều 2. Quy định cụ thể.

Điều 3. Tổ chức thực hiện.

Điều 4. Điều khoản thi hành.

V. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC THI HÀNH VĂN BẢN SAU KHI ĐƯỢC THÔNG QUA

1. Dự kiến nguồn lực: Ngân sách địa phương đảm bảo theo phân cấp quản lý ngân sách hiện hành, được bố trí trong dự toán hàng năm của cơ quan, đơn vị theo quy định.

2. Điều kiện đảm bảo cho việc thi hành Nghị quyết: Sau khi Nghị quyết được ban hành và có hiệu lực, Ủy ban nhân dân tỉnh sẽ chỉ đạo các địa phương, đơn vị có liên quan triển khai thực hiện theo quy định.

VI. THỜI GIAN DỰ KIẾN TRÌNH THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT: Tại Kỳ họp thứ 6, Hội đồng nhân dân tỉnh Khoá XII.

(Có gửi kèm hồ sơ, tài liệu có liên quan)

Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Lao động - Thương binh và Xã hội;
- Sở Tư pháp;
- Sở Tài chính;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu VT, KTTH.KGVX.NTMD

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Y Ngọc

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH KON TUM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /2023/NQ-HĐND

Kon Tum, ngày tháng năm 2023

DỰ THẢO ĐỀ CƯƠNG

NGHỊ QUYẾT

Quy định một số nội dung, mức hỗ trợ đối với người cai nghiện ma túy và người làm công tác cai nghiện ma túy trên địa bàn tỉnh Kon Tum

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH KON TUM
KHÓA XII, KỲ HỌP THỨ 6**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015; Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Luật Phòng, chống ma túy ngày 30 tháng 3 năm 2021;

Căn cứ Nghị định số 116/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng, chống ma túy, Luật Xử lý vi phạm hành chính về cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện ma túy;

Căn cứ Thông tư số 62/2022/TT-BTC ngày 05 tháng 10 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định việc quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp từ ngân sách nhà nước thực hiện chế độ áp dụng biện pháp đưa vào Cơ sở cai nghiện ma túy bắt buộc; công tác cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng, Cơ sở cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện ma túy;

Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về quy định một số nội dung, mức hỗ trợ đối với người cai nghiện ma túy và người làm công tác cai nghiện ma túy trên địa bàn tỉnh Kon Tum; Báo cáo thẩm tra số/BC-HĐND ngày tháng năm 2023 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định một số nội dung, mức hỗ trợ đối với người cai nghiện ma túy và người được giao nhiệm vụ tư vấn tâm lý, xã hội, quản lý, hỗ trợ các đối tượng cai nghiện ma túy trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

2. Đối tượng áp dụng

a) Người nghiện ma túy bị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, người nghiện ma túy trong thời gian chờ lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào Cơ sở cai nghiện bắt buộc theo Luật Xử lý vi phạm hành chính.

b) Người nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng và các Cơ sở cai nghiện ma túy.

c) Người nghiện bị quản lý sau cai nghiện tại nơi cư trú.

d) Cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan đến việc quản lý, sử dụng kinh phí sự nghiệp từ ngân sách nhà nước thực hiện chế độ áp dụng biện pháp đưa vào Cơ sở cai nghiện ma túy bắt buộc, công tác cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng, cơ sở cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện ma túy.

Điều 2. Quy định cụ thể

1. Nội dung, mức hỗ trợ người nghiện ma túy bị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, người cai nghiện bắt buộc chấp hành xong quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc trở về địa phương nơi cư trú.

a) Hỗ trợ người nghiện ma túy bị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc: ...

b) Hỗ trợ người cai nghiện bắt buộc chấp hành xong quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc trở về địa phương nơi cư trú: ...

* Trong thời gian tỉnh Kon Tum chưa thành lập cơ sở cai nghiện bắt buộc, mức chi thực hiện chế độ, chính sách đối với người cai nghiện ma túy bắt buộc thực hiện theo mức thu của cơ sở cai nghiện bắt buộc mà cơ quan, người có thẩm quyền của tỉnh Kon Tum chuyển, gửi người bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

2. Hỗ trợ người đăng ký thường trú trên địa bàn tỉnh Kon Tum cai nghiện ma túy tự nguyện tại Cơ sở cai nghiện ma túy, gia đình, cộng đồng.

a) Hỗ trợ người cai nghiện ma túy tự nguyện tại Cơ sở cai nghiện ma túy công lập:

b) Hỗ trợ người cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng: ...

3. Hỗ trợ thù lao hàng tháng đối với người được giao nhiệm vụ tư vấn tâm lý, xã hội, quản lý, hỗ trợ đối tượng cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng, đối tượng bị quản lý sau cai nghiện ma túy theo phân công của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã:

4. Nguồn kinh phí thực hiện:...

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện.

3. Các nội dung, mức hỗ trợ khác không quy định tại Nghị quyết này thì thực hiện bằng mức hỗ trợ, mức chi theo quy định của Thông tư số 62/2022/TT-BTC ngày 05 tháng 10 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các văn bản pháp luật hiện hành có liên quan.

Điều 4. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum Khoá XII, Kỳ họp thứ 6 thông qua ngày tháng năm 2023 và có hiệu lực từ ngày tháng năm 2023.

2. Nghị quyết số 18/2018/NQ-HĐND ngày 19 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức hỗ trợ một số chi phí cho học viên trong thời gian chấp hành quyết định xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc; mức đóng góp, mức hỗ trợ và chế độ miễn, giảm một số chi phí đối với người nghiện ma túy trong thời gian cai nghiện bắt buộc tại cộng đồng hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu các văn bản dẫn chiếu tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế đó./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Tư pháp (*Cục kiểm tra văn bản QPPL*);
- Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư ;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và HĐND tỉnh;
- Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Các sở, ban, ngành đoàn thể của tỉnh;
- Thường trực HĐND-UBND các huyện, thành phố;
- Báo Kon Tum; Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, CTHĐ.

CHỦ TỊCH

Dương Văn Trang